UBND TỈNH YÊN BÁI **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 280 /BC-STC	*Yên Bái, ngày 04 tháng 10 năm 2023*

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 9 và 9 tháng đầu năm 2023

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG, GIÁ CẢ

1. Diễn biến chung thị trường

***) Tháng 9/2023**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trên địa bàn tỉnh Yên Bái tháng 9/2023 tăng 0,54% so với tháng trước, tăng 0,04% so với cùng kỳ năm 2022. Xét về cơ cấu nhóm hàng so với tháng trước, có 08 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính tăng giá, gồm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,64%; Đồ uống và thuốc lá tăng 1,83%; May mặc, mũ nón, giầy dép tăng 1,07%; Nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 1,50%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,17%; Giao thông tăng 1%; Giáo dục tăng 1,21%, Hàng hóa dịch vụ khác tăng 0,70%. Có 03 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính giảm giá, gồm: Thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,49%; Bưu chính viễn thông giảm 1,76%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 1,93%.

Tháng 9/2023, chỉ số giá vàng tăng 0,43%, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 1,63% so với tháng 8/2023.

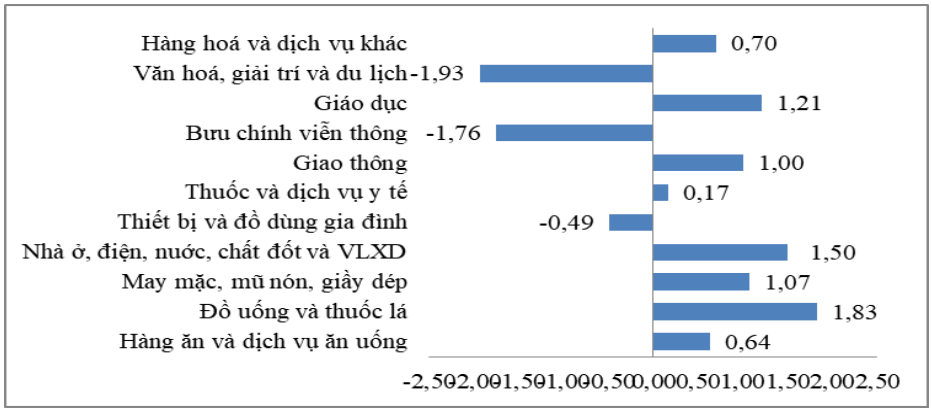

Biểu đồ CPI tháng 9/2023 so với tháng trước theo cơ cấu nhóm hàng

***) 9 tháng đầu năm 2023**

Theo Cục Thống kê tỉnh Yên Bái, so với tháng trước, chỉ số CPI của tháng 01/2023 giảm 1,96%, CPI tháng 02/2023 tăng 0,25%, CPI tháng 3/2023 giảm 0,50%, CPI tháng 4/2023 giảm 0,19%, CPI tháng 5/2023 tăng 0,18%, CPI tháng 6/2023 tăng 0,43%, CPI tháng 7/2023 tăng 0,83%, CPI tháng 8/2023 tăng 0,95%, CPI tháng 9/2023 tăng 0,54%.

So với cùng kỳ năm 2022, chỉ số CPI của tháng 01/2023 tăng 4,85%, CPI tháng 02/2023 tăng 3,70%, CPI tháng 03/2023 tăng 2,10%, CPI tháng 4/2023 tăng

1,18%, CPI tháng 5/2023 tăng 0,64%, CPI tháng 6/2023 giảm 0,03%, CPI tháng 7/2023 tăng 0,56%, CPI tháng 8/2023 tăng 0,95%, CPI tháng 9/2023 tăng 0,04%. Từ đó đưa CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2023 tăng 1,60% so với cùng kỳ năm trước.

CPI 9 tháng đầu năm 2023 tăng ở 08/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ, gồm: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,23%; Đồ uống và thuốc lá tăng 8,40%; Nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng tăng 4,45%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 3,78%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,85%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 3,44%; Hàng hóa dịch vụ khác tăng 4,02%. Có 03/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ giảm, gồm: May mặc, mũ nón, giầy dép giảm 0,46%; Giao thông giảm 4,05%; Bưu chính viễn thông giảm 0,49%; Giáo dục giảm 3,68%.

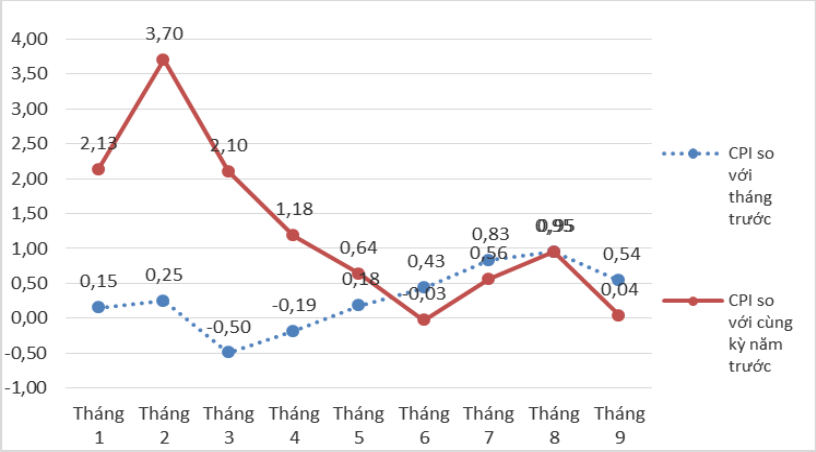

Biểu đồ Diễn biến CPI 9 tháng đầu năm 2023

2. Một số yếu tố chính tác động đến diễn biến thị trường

***) Tháng 9/2023**

Quá trình khảo sát thị trường cho thấy một số yếu tố tác động làm tăng chỉ số giá tiêu dùng tháng 9/2023 như giá xăng dầu tăng làm tăng chỉ số giá nhiều nhóm hàng hóa, dịch vụ liên quan...

Một số yếu tố làm giảm áp lực lên mặt bằng giá như: giá một số thực phẩm giảm làm giảm giá các mặt hàng liên quan…

Tuy nhiên các yếu tố làm tăng áp lực lên mặt bằng giá có tác động mạnh hơn các yếu tố làm giảm áp lực lên mặt bằng giá nên chỉ số giá chung tăng.

***) 9 tháng đầu năm 2023**

CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm trước do các yếu tố đầu vào tăng như: Giá xăng dầu tăng trong 9 tháng đầu năm, giá điện tăng tạo áp lực tăng lên chỉ số giá các ngành liên quan... Bên cạnh đó, một số yếu tố làm giảm áp lực tăng lên chỉ số giá như giá một số loại rau củ giảm do nguồn cung dồi dào, giá một số thiết bị viễn thông giảm… Tác động của các yếu tố này yếu hơn các yếu tố làm tăng CPI khiến cho CPI bình quân 9 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kì năm 2022.

3. Diễn biến giá một số mặt hàng chủ yếu

- Nhóm lương thực: Giá gạo tẻ thường (gạo Thái Bình) bình quân trên thị trường một số huyện, thị xã, thành phố[1] trong địa bàn tỉnh Yên Bái là 15.300 đồng/kg, giá gạo Tám thơm phổ biến 15.000 - 26.000 đồng/kg (giảm 300 đồng/kg).

- Giá thực phẩm tươi sống tương đối ổn định so với thời điểm tháng 9/2023. Thịt lợn giảm: Thịt lợn hơi giá phổ biến khoảng 55.000 - 65.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg); Thịt lợn thăn giá trung bình khoảng 100.000 - 120.000 đồng/kg (giảm 1.000 đồng/kg). Thịt bò tương đối ổn định: Thịt bò thăn loại 1 phổ biến khoảng 260.000 đồng/kg. Thịt gà công nghiệp trung bình khoảng 82.000 đồng/kg (tăng 12.000 đồng/kg); Gà ta còn sống giá phổ biến dao động từ 110.000 - 130.000 đồng/kg…

- Giá các loại rau, củ, quả tương đối ổn định: bắp cải phổ biến từ 11.000 - 15.000 đồng/kg; cải ngọt phổ biến ở mức khoảng 13.000 -16.000 đồng/kg; cà chua phổ biến ở mức khoảng 18.000 - 20.000 đồng/kg…

- Giá một số mặt hàng thủy, hải sản ổn định: Cá chép phổ biến ở mức 50.000 - 70.000 đồng/kg; cá quả phổ biến ở mức 70.000 - 80.000 đồng/kg…

- Đồ uống, sữa ổn định so với tháng 8/2023.

- Muối hạt phổ biến ở mức giá khoảng 5.300 đồng/gói 1kg (tăng 100 đồng/gói). Đường kính RE phổ biến ở mức 19.000 - 24.000 đồng/kg.

- Khí hóa lỏng (LPG): Giá gas tháng 9/2023 điều chỉnh tăng so với tháng trước khoảng 2.850 đồng/kg. Giá gas đến tay người tiêu dùng bình 12kg của một số loại gas như sau: Gas Petrovietnam: 384.200 đồng/bình, gas Đất Việt, Bắc Thăng long, gas Đài Hải, Petronas: 378.000 đồng/bình…

- Xăng, dầu: Giá xăng, dầu tháng 9/2023 có 03 đợt điều chỉnh vào ngày 08/9, 11/9 và 21/9/2023. Tại thời điểm báo cáo, giá xăng dầu các loại như sau: Xăng không chì Ron 95-III là 26.250 đồng/lít (tăng 1.160 đồng/lít); Xăng sinh học E5 là 24.670 đồng/lít (tăng 880 đồng/lít); dầu diezel là 24.060 đồng/lít (tăng 1.270 đồng/lít).

- Vật liệu xây dựng: Giá bán lẻ chưa thuế một số vật liệu xây dựng tương đối ổn định. Giá xi măng PCB 30 phổ biến ở mức 1.180 đồng/kg; thép tròn ϕ6, ϕ8 (Tisco, Hoà Phát, Việt Đức) 14.818 đồng/kg; gạch rỗng 2 lỗ TCM75A1: 1.180 đồng/viên…

Các nhóm hàng hóa dịch vụ khác tương đối ổn định. Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Trong tháng 9/2023 và 9 tháng đầu năm 2023, Sở Tài chính đã thực hiện công tác quản lý giá tại địa phương như sau:

1. Thực hiện chế độ báo cáo giá cả thị trường; thực hiện chức năng tham mưu về công tác quản lý Nhà nước về giá tại địa phương

---

[1] Các huyện: Yên Bình, Lục Yên, Văn Yên, Văn Chấn, Trạm Tấu, Mù Cang Chải và thị xã Nghĩa Lộ, thành phố Yên Bái.

***) Thực hiện tháng 9/2023**

- Thường xuyên nắm bắt thông tin giá cả thị trường, nắm bắt diễn biến xu hướng vận động của giá cả, thực hiện chế độ báo cáo giá thị trường theo quy định.

- Công tác kê khai giá: Tiếp nhận và xử lý 10 hồ sơ kê khai giá theo quy định.

***) Thực hiện 9 tháng đầu năm 2023**

- Thường xuyên nắm bắt thông tin giá cả thị trường, nắm bắt diễn biến xu hướng vận động của giá cả, thực hiện chế độ báo cáo giá thị trường theo quy định.

- Công tác kê khai giá: Tiếp nhận và xử lý 87 hồ sơ kê khai giá theo quy định.

2. Thẩm định giá - Thông báo giá

***) Thực hiện tháng 9/2023**

- Thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản, vật dụng, trang thiết bị bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: 02 hồ sơ.

- Thẩm định giá đất cụ thể và hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái; tính tiền cho thuê đất; giao đất tái định cư và giao đất không thông qua đấu giá; trình phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 02 hồ sơ.

- Thẩm định phương án giá dịch vụ sự nghiệp công: 03 hồ sơ.

***) Thực hiện 9 tháng đầu năm 2023**

- Thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản, vật dụng, trang thiết bị bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước: 09 hồ sơ.

- Định giá tài sản trong tố tụng hình sự: 01 hồ sơ.

- Thẩm định giá đất cụ thể và hệ số điều chỉnh giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Yên Bái; tính tiền cho thuê đất; giao đất tái định cư và giao đất không thông qua đấu giá; trình phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất: 33 hồ sơ.

- Thẩm định phương án giá: (1) Dịch vụ diện tích bán hàng tại chợ Yên Thịnh (mới), thành phố Yên Bái; (2) Dịch vụ cụ thể thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và giá dịch vụ cụ thể xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Thẩm định phương án giá dịch vụ sự nghiệp công: 04 hồ sơ.

- Tham gia ý kiến về giá gạo tẻ sản xuất trong nước, gạo hạt dài, loại 15% tấm được xay xát từ thóc thu hoạch vụ Đông Xuân năm 2023.

- Thẩm định dự thảo Bảng giá đất sửa đổi, bổ sung.

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 4 Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Yên Bái về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Yên Bái (Tờ trình số 136/TTr-STC ngày 17/5/2023 của Sở Tài chính).

3. Công tác thanh tra, kiểm tra

***) Thực hiện tháng 9/2023**

Theo báo cáo của Cục Quản lý thị trường tỉnh Yên Bái trong tháng 9/2023, các ngành chức năng Ban Chỉ đạo 389 đã xử phạt vi phạm về quản lý thị trường 53 vụ. Giá trị xử phạt hành chính là 574.550.000 đồng, bán hàng tịch thu là 336.500.000 đồng, trị giá hàng tiêu hủy là 14.331.000 đồng.

***) Thực hiện 9 tháng đầu năm 2023**

Theo báo cáo của Cục Quản lý thị trường tỉnh Yên Bái trong 9 tháng đầu năm 2023, các ngành chức năng Ban Chỉ đạo 389 đã xử phạt vi phạm về quản lý thị trường 305 vụ. Giá trị xử phạt hành chính là 4.447.910.000 đồng, bán hàng tịch thu là 538.680.000 đồng, trị giá hàng tiêu hủy là 1.830.990.000 đồng.

III. DỰ BÁO DIỄN BIẾN MẶT BẰNG GIÁ THỊ TRƯỜNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG 10/2023

- Tháng 10/2023, dự kiến giá xăng dầu và giá gas sẽ tăng so với tháng 9/2023; giá thịt lợn và giá rau củ quả giảm nhẹ do nhu cầu giảm, nguồn cung tăng.

- Các nhóm hàng hóa, dịch vụ còn lại giữ ổn định.

Trên đây là báo cáo tình hình giá cả thị trường và công tác quản lý giá tháng 9/2023 và 9 tháng đầu năm 2023 của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái./.

Nơi nhận:
- TT. Tỉnh ủy;
- HĐND; UBND tỉnh;
- Cục QL Giá - Bộ Tài chính;
- Ban Giám đốc sở;
- Sở Công thương;
- Cục Quản lý thị trường tỉnh Yên Bái;
- Phòng TCKH các huyện, thị xã, thành phố;
- Trại giam Hồng ca tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Công ty CP Lương thực Yên Bái;
- Cục Thống kê Tỉnh YB;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh YB;
- Lưu: VT, GCS&TCDN.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thành Vinh

Phụ lục số 01

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG - CHỈ SỐ GIÁ VÀNG VÀ CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ TOÀN TỈNH YÊN BÁI
Tháng 9 năm 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày tháng 10 năm 2023 của Sở Tài chính về tình hình giá cả thị trường, công tác quản lý giá tháng 9/2023 và 9 tháng đầu năm 2023)

Nhóm hàng hóa dịch vụ	Mã số	Chỉ số giá so với (%)				Bình quân so cùng kỳ
		Kỳ gốc 2014	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
A	B	1	2	3	4	5
Chỉ số giá tiêu dùng	**C**	**113,24**	**100,04**	**100,52**	**100,54**	**101,60**
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	01	115,36	101,50	103,05	100,64	102,23
Trong đó: 1- Lương thực	011	121,13	105,34	105,19	103,06	103,32
2- Thực phẩm	012	114,65	98,35	100,81	100,14	101,84
3- Ăn uống ngoài gia đình	013	114,27	107,67	107,68	100,67	102,66
II. Đồ uống và thuốc lá	02	119,34	106,92	104,84	101,83	108,40
III. May mặc, mũ nón, giầy dép	03	101,55	100,38	98,42	101,07	99,54
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	04	132,62	106,28	106,55	101,50	104,45
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	05	111,91	102,18	101,46	99,51	103,78
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	06	104,81	101,26	100,99	100,17	100,85
Trong đó: Dịch vụ y tế	063	102,81	100,56	100,56	100,20	100,35
VII. Giao thông	07	113,53	100,98	103,80	101,00	95,95
VIII. Bưu chính viễn thông	08	97,05	97,98	98,29	98,24	99,51
IX. Giáo dục	09	106,32	65,34	65,33	101,21	96,32
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	092	104,01	59,60	59,60	101,29	94,61
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	10	109,42	100,25	100,71	98,07	103,44
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	11	111,04	106,62	106,27	100,70	104,02
Chỉ số giá vàng						
Chỉ số giá đô la Mỹ	**1V**	**145,54**	**109,82**	**105,78**	**100,43**	**102,45**